



Mẫu: M3-CTĐT

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ đào tạo:	Thạc sĩ – Theo định hướng ứng dụng
Ngành đào tạo:	Kế toán
Tên tiếng Anh:	Accounting
Mã ngành:	8340301
Loại hình đào tạo:	Chính quy
Hình thức đào tạo:	Tập trung

Bình Định, 2019



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 344/VQĐ-ĐHQN ngày 3 tháng 1 năm 2019
của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ – Theo định hướng ứng dụng
Ngành đào tạo: **Kế toán**
Tên tiếng Anh: Accounting
Mã ngành: 8340301
Loại hình đào tạo: Chính quy
Hình thức đào tạo: Tập trung

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình thạc sĩ Kế toán định hướng ứng dụng với mục tiêu đào tạo các nhà quản lý làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính, sự nghiệp, ngân hàng thương mại và các định chế tài chính (gọi chung là đơn vị), có khả năng tiếp cận và phát triển khả năng nghiên cứu trong lĩnh vực nghề nghiệp, có năng lực điều hành, có kiến thức tổ chức, thực thi các hoạt động liên quan đến lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính tại đơn vị.

1.2. Mục tiêu cụ thể (ký hiệu POs)

Thạc sĩ Kế toán có khả năng:

- Về kiến thức

+ PO1: Có hiểu biết tổng hợp về kinh tế, chính trị, pháp luật.

+ PO2: Có kiến thức ngành, chuyên ngành chuyên sâu để nghiên cứu, tổ chức và quản lý hiệu quả công tác kế toán, kiểm toán, tài chính.

- Về kỹ năng

+ PO3: Có kỹ năng lãnh đạo nhóm và giao tiếp kinh doanh.

+ PO4: Có kỹ năng tổ chức, quản lý và điều hành lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

+ PO5: Có tư duy phân biện, sáng tạo trong hoạt động quản lý, lãnh đạo chuyên môn.

+ PO6: Sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) tốt.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO7: Có thể nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp.

+ PO8: Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

2. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Học viên tốt nghiệp từ chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán có thể được xếp vào các vị trí việc làm:



- Nhóm cán bộ quản lý lãnh đạo từ cấp trung đến cấp cao phụ trách tài chính – kế toán, phân tích và tư vấn tài chính, kiểm toán nội bộ, kiểm toán, định giá, tư vấn tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, các ngân hàng thương mại, các định chế tài chính (công ty chứng khoán, công ty bảo hiểm, quỹ đầu tư,...), Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Nhà nước, cơ quan thuế, cơ quan bảo hiểm, công ty kiểm toán, công ty dịch vụ kế toán – kiểm toán,...;

- Cán bộ nghiên cứu, giảng viên giảng dạy về kế toán tại các Trường, Viện, Trung tâm nghiên cứu, các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán.

Học viên tốt nghiệp thạc sĩ ngành Kế toán có thể học tiến sĩ của các chuyên ngành Kế toán, Kiểm toán hoặc các chuyên ngành khác thuộc lĩnh vực kinh tế - quản trị kinh doanh tại các trường đại học trong và ngoài nước.

3. CHUẨN ĐẦU RA¹

Chương trình được thiết kế để đảm bảo học viên tốt nghiệp thạc sĩ ngành Kế toán đạt được chuẩn đầu ra sau:

3.1. Về kiến thức

+ Kiến thức cơ sở

1) PLO1: Tổng hợp được kiến thức về chính trị, kinh tế, xã hội, quản lý và pháp luật.

+ Kiến thức chuyên sâu của ngành

2) PLO2: Phân tích được những vấn đề thực tế về kế toán, kiểm toán, thuế, phân tích tài chính.

3) PLO3: Đánh giá phản biện thông tin về kế toán, kiểm toán, tài chính.

3.2. Về kỹ năng

+ Kỹ năng chung

4) PLO4: Thể hiện năng lực quản lý nhóm, quản lý thời gian và tổ chức công việc một cách khoa học.

5) PLO5: Thể hiện năng lực giao tiếp và thuyết trình, năng lực sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp bằng văn bản, đạt tối thiểu bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

+ Kỹ năng chuyên môn

6) PLO6: Thể hiện năng lực quản lý hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, tài chính.

¹ **Đáp ứng bậc 7 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam:** Bậc 7: Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức trong phạm vi của ngành đào tạo; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; kỹ năng truyền bá, phổ biến tri thức trong các lĩnh vực chuyên môn, có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động nghề nghiệp. Bậc 7 yêu cầu khối lượng học tập tối thiểu 60 tín chỉ đối với người có bằng tốt nghiệp đại học.

7) PLO7: Thể hiện năng lực ra quyết định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính.

8) PLO8: Thực hiện điều chỉnh các công việc trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính và các lĩnh vực có liên quan.

3.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

9) PLO9: Đủ khả năng để học tập suốt đời, tự học, tự nghiên cứu và tích lũy kinh nghiệm, phát triển nghề nghiệp cá nhân.

10) PLO10: Có tính tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và tự chịu trách nhiệm trong công tác chuyên môn.

4. THỜI GIAN ĐÀO TẠO VÀ KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

4.1. Thời gian đào tạo: 2 năm

4.2. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 51 tín chỉ (chưa bao gồm: 09 tín chỉ của Dự án/đề án/đề án tốt nghiệp)

Cấu trúc chương trình	Số tín chỉ
Phần kiến thức chung	7
Phần kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành	43
Các học phần bắt buộc	28
Các học phần tự chọn	15
Dự án/đề án/đề án tốt nghiệp	10
Tổng	60

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Người tốt nghiệp đại học ngành Kế toán, Kiểm toán, Kế toán – Kiểm toán hoặc tương đương theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

6. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DỰ TUYỂN

Theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/08/2021 của và Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), các yêu cầu đối với người dự tuyển gồm:

- Về văn bằng:

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với chuyên ngành Kế toán được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

STT	Ngành phù hợp
1	Kế toán
2	Kiểm toán

+ Người có bằng tốt nghiệp đại học các ngành theo thông báo tuyển sinh trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Quy Nhơn sẽ học bổ sung kiến thức tối đa 4 môn trước khi dự thi.

STT	Môn học	Số tín chỉ
1	Nguyên lý kế toán	3
2	Tổ chức hạch toán kế toán	3
3	Kế toán quản trị	3
4	Phân tích kinh doanh	3
5	Kiểm toán căn bản	3

- Về các điều kiện khác: theo Quy chế hiện hành.

7. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

7.1. Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ

7.2. Điều kiện tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của CTĐT.
- Điểm bảo vệ đề án tốt nghiệp đạt từ 5,5 trở lên (tính theo thang điểm 10).
- Điểm TBC tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,0 trở lên (tính theo thang điểm 10).
- Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ theo quy định của Nhà trường.

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ, THANG ĐIỂM

*** Thang điểm đánh giá:**

Sử dụng thang điểm 10 cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần

*** Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

a. Học phần lý thuyết

STT	Hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Trọng số
1	Quá trình	<p>* Học viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân (dưới hình thức viết hoặc thuyết trình).</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên ra đề.</p> <p>* Các bài báo cáo nhóm hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn: nội dung, hình thức, thể hiện bài báo cáo theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>* Các bài tiểu luận theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p>	30%



		- Tiêu chí đánh giá bài tiểu luận: đúng đáp án hoặc yêu cầu của giảng viên.	
2	Cuối kỳ	Thi kết thúc học phần * Hình thức thi: Viết/vấn đáp. - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề. * Hình thức thi: Bài báo cáo/thu hoạch - Tiêu chí đánh giá bài thi: nội dung, hình thức bài báo cáo/thu hoạch theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.	70%

b. Học phần luận văn tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy định đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Trường ban hành kèm theo Quyết định Số 5508/QĐ-ĐHQN ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn.

*** Phương pháp đánh giá**

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Kế toán được chia thành 2 loại chính: Đánh giá tiến trình (Formative Assessment) và Đánh giá tổng kết (Summative Assessment).

Diễn giải để mô tả các phương pháp đánh giá như trong bảng:

Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I. Đánh giá tiến trình										
1. Đánh giá thuyết trình	x	x	x	x	x			x	x	
2. Đánh giá làm việc nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x		x
3. Đánh giá bài kiểm tra	x	x	x		x		x	x	x	x
4. Đánh giá bài tập lớn, tiểu luận	x	x	x			x	x		x	
II. Đánh giá tổng kết										
5. Kiểm tra viết	x	x	x		x		x			x
7. Bảo vệ và thi vấn đáp	x	x	x		x		x		x	x
8. Đánh giá báo cáo/thu hoạch/đề án (nội dung và vấn đáp)	x	x	x	x		x	x	x	x	x

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã học phần		Tên học phần	Học kỳ	Số tín chỉ	Giờ trên lớp			Mã HP học trước	Khoa quản lý học phần	Ghi chú
	Chữ	Số				LT	BT	TL			
I. Phần kiến thức chung					7						
1	XHTH	501	Triết học	1	4	45	10	10		LLCT, L & QLNN	XH: 04 TC TN: 03 TC
2	QNTA	502	Tiếng Anh	1	3	36	9			Ngoại ngữ	
II. Phần kiến thức cơ sở của ngành					7						
<i>II.1. Phần bắt buộc</i>					4						
3	KTVM	503	Kinh tế học vi mô	1	2	20	10			KT & KT	
4	KTVX	504	Kinh tế học vĩ mô	1	2	20	10			KT & KT	
<i>II.2. Phần tự chọn</i>					3						
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 7 học phần</i>					<i>3/21</i>						
5	KTKL	505	Luật kinh doanh	1	3	30	15			LLCT, L & QLNN	
6	KTTK	506	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	1	3	30	15			KT & KT	
7	KTTT	507	Tài chính – Tiền tệ	1	3	30	15			TCNH & QTKD	
8	KTQH	508	Quản trị học hiện đại	1	3	30	15			TCNH & QTKD	
9	KTCT	509	Chuyên đề Kinh tế chính trị	1	3	30	15			LLCT, L & QLNN	
10	KTVN	510	Chuyên đề Kinh tế Việt Nam	1	3	30	15			LLCT, L & QLNN	
11	KTPP	511	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	1	3	30	15			KT & KT	
III. Phần kiến thức chuyên ngành					36						
<i>III.1. Phần bắt buộc</i>					24						
12	KTLT	512	Lý thuyết kế toán	1	3	30	15			KT & KT	
13	KTTC	513	Kế toán tài chính	2	4	40	20		KTLT 512	KT & KT	
14	KTQT	514	Kế toán quản trị	2	3	30	15		KTLT 512	KT & KT	
15	KTKT	515	Kiểm toán	2	4	40	20		KTTC 513	KT & KT	
16	KTPD	516	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	3	30	15		KTTC 513	KT & KT	
17	KTHT	517	Hệ thống thông tin kế toán	3	3	30	15		KTTC 513 KTQT 514	KT & KT	



18	KTCM	518	Chuẩn mực kế toán	3	4	40	20		KTLT 512	KT & KT
III.2. Phần tự chọn					12					
<i>Tự chọn 2: Chọn 2 trong 5 học phần</i>					<i>6/15</i>					
19	KTTH	523	Pháp luật về thuế và kế toán thuế	2	3	30	15		KTTC 513 KTQT 514	KT & KT
20	KTKL	525	Kinh tế lượng	2	3	30	15			
21	KTCL	524	Quản trị chiến lược	2	3	30	15			TCNH & QTKD
22	KTQC	526	Quản trị tài chính	2	3	30	15			TCNH & QTKD
23	KTKD	527	Quản trị kinh doanh quốc tế	2	3	30	15			TCNH & QTKD
<i>Tự chọn 3: Chọn 2 trong 4 học phần</i>					<i>6/12</i>					
24	KTKS	519	Kiểm soát nội bộ	3	3	30	15		KTLT 512	KT & KT
25	KTTG	520	Kế toán quốc tế	3	3	30	15		KTTC 513	KT & KT
26	KTKC	521	Kế toán công	3	3	30	15		KTLT 512	KT & KT
27	KTQL	522	Kiểm soát quản lý	3	3	30	15		KTTC 513	KT & KT
III.3. Luận văn tốt nghiệp					10					
28	KTLV	532	Luận văn tốt nghiệp	4	10		10			KT & KT
Tổng cộng					60					

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến)

TT	Mã học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Kế hoạch đào tạo (học kỳ)				Dự kiến giảng viên thực hiện	Khoa QLHP
	Chữ	Số			1	2	3	4		
I. Kiến thức chung										
1	XHTH	501	Triết học	4	4				Khoa LLCT, L&QLNN	LLCT, L & QLNN
2	QNTA	502	Tiếng Anh	3	3				Khoa Ngoại ngữ	Ngoại ngữ
II. Kiến thức cơ sở của ngành										
II.1. Phần bắt buộc										
3	KTVM	503	Kinh tế học vi mô	2	2				TS. Hoàng Thị Hoài Hương TS. Lê Kim Chung	KT & KT

4	KTVX	504	Kinh tế học vĩ mô	2	2			TS. Đào Quyết Thắng PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền	KT & KT
II.2. Phần tự chọn									
<i>Tự chọn 1: Chọn 1 trong 7 học phần</i>				3	3				
5	KTKL	505	Luật kinh doanh	3				Khoa LLCT, L&QLNN	LLCT, L & QLNN
6	KTTK	506	Thống kê ứng dụng trong kinh tế	3				PGS.TS. Nguyễn Duy Thục TS. Trương Thị Thanh Phượng	KT & KT
7	KTTT	507	Tài chính – Tiền tệ	3				Khoa TCNH & QTKD	TCNH & QTKD
8	KTQH	508	Quản trị học hiện đại	3				Khoa TCNH & QTKD	TCNH & QTKD
9	KTCT	509	Chuyên đề Kinh tế chính trị	3				Khoa LLCT, L&QLNN	LLCT, L & QLNN
10	KTVN	510	Chuyên đề Kinh tế Việt Nam	3				Khoa LLCT, L&QLNN	LLCT, L & QLNN
11	KTPP	511	Phương pháp nghiên cứu khoa học kinh tế	3				TS. Trương Thị Thanh Phượng PGS.TS. Nguyễn Duy Thục	KT & KT
III. Phần kiến thức chuyên ngành									
III.1. Phần bắt buộc									
12	KTLT	512	Lý thuyết kế toán	3	3			PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh TS. Nguyễn Ngọc Tiến	KT & KT
13	KTTC	513	Kế toán tài chính	4		4		TS. Nguyễn Ngọc Tiến PGS.TS. Hà Xuân Thạch	KT & KT
14	KTQT	514	Kế toán quản trị	3		3		TS. Nguyễn Thị Lệ Hàng GS.TS. Trương Bá Thanh	KT & KT
15	KTKT	515	Kiểm toán	4		4		TS. Lê Thị Thanh Mỹ PGS.TS. Trần Thị Giang Tân	KT & KT
16	KTPD	516	Phân tích tài chính doanh	3			3	GS.TS. Nguyễn Văn Công	KT & KT



			ngành						TS. Đỗ Huyền Trang	
17	KTHT	517	Hệ thống thông tin kế toán	3			3		TS. Huỳnh Thị Hồng Hạnh PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh	KT & KT
18	KTCM	518	Chuẩn mực kế toán	4			4		PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh TS. Nguyễn Ngọc Tiến	KT & KT
III.2. Phân tự chọn										
<i>Tự chọn 2: Chọn 2 trong 5 học phần</i>				6			6			
19	KTTH	523	Pháp luật về thuế và kế toán thuế	3					TS. Lê Thị Tú Oanh TS. Nguyễn Thị Lệ Hằng	KT & KT
20	KTKL	525	Kinh tế lượng	3					TS. Trương Thị Thanh Phương	KT & KT
21	KTCL	524	Quản trị chiến lược						Khoa TCNH & QTKD	
22	KTQC	526	Quản trị tài chính	3					Khoa TCNH & QTKD	KT & KT
23	KTKD	527	Quản trị kinh doanh quốc tế	3					Khoa TCNH & QTKD	KT & KT
<i>Tự chọn 3: Chọn 2 trong 4 học phần</i>				6			6			
24	KTKS	519	Kiểm soát nội bộ	3					TS. Nguyễn Thị Mai Hương TS. Lê Thị Thanh Mỹ	TCNH & QTKD
25	KTTG	520	Kế toán quốc tế	3					PGS.TS. Trần Đình Khôi Nguyên PGS.TS. Lê Trần Hạnh Phương	TCNH & QTKD
26	KTKC	521	Kế toán công	3					TS. Đỗ Huyền Trang PGS.TS. Phạm Bích Chi	
27	KTQL	522	Kiểm soát quản lý	3					PGS.TS. Ngô Trí Tuệ TS. Lê Trần Hạnh Phương	
III. III.3. Luận văn tốt nghiệp										KT & KT
28	KTLV	532	Luận văn tốt nghiệp	10				10	GV ngành Kế toán đủ điều kiện	KT & KT
Tổng cộng				60	17	17	16	10		

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh 2019 cho học viên ngành Kế toán.

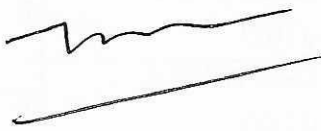
- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa sẽ tư vấn cho học viên chọn những học phần thích hợp.

- Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật ít nhất 2 năm một lần, đáp ứng sự phát triển của ngành Kế toán và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội./.

Bình Định, ngày 9 tháng 12 năm 2019

TRƯỜNG KHOA

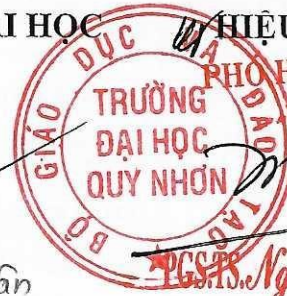


PGS.TS. Trần Thị Cẩm Thanh

TP. ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC



TS. Nguyễn Hữu Xuân



HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền